



## THẾ LƯỜNG NAN AN NINH VÀ XUNG ĐỘT SẮC TỘC

**Nguồn:** Barry A. Posen (1993). “The Security Dilemma and Ethnic Conflict”, *Survival*, Vol. 35, No. 1 (Spring), pp. 27-47.

**Biên dịch:** Phan Đoàn Hoài Trinh | **Hiệu đính:** Nguyễn Võ Dân Sinh

Cùng với sự kết thúc Chiến tranh Lạnh là sự nổi lên của các cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc và tôn giáo ở lục địa Á-Âu. Tuy nhiên, nguy cơ và cường độ của những cuộc xung đột này khác nhau tùy theo từng vùng miền: người Ucraina và người Nga vẫn tương đối hòa hợp với nhau; người Serbia và người Slovenia có những cuộc đụng độ ngắn, gay gắt; người Serbia, người Croatia và người Hồi giáo Bosnia tiến hành xung đột công khai; người Armenia và người Azeri dường như buộc phải lâm vào một cuộc chiến lâu dài, tiêu hao. Khẳng định rằng nguyên nhân dẫn đến bạo lực là do những hận thù từ xa xưa đến giờ mới được bộc phát không thể giải thích được sự khác biệt đáng kể trong quan hệ giữa các nhóm dân tộc, chủng tộc và tôn giáo.

Mục đích của bài viết này là áp dụng một khái niệm cơ bản của lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cũ trong quan hệ quốc tế, khái niệm “thế lưỡng nan an ninh”, vào những trường hợp đặc biệt phát sinh khi các nhóm người buộc phải ra sức đảm bảo an ninh cho chính mình. Một nhóm khi buộc phải tự bảo vệ mình, phải đặt ra những câu hỏi sau về các nhóm khác bên cạnh mình: Đó có phải là một mối đe dọa hay không? Mối đe dọa đó có lớn không? Mối đe dọa sẽ gia tăng hay giảm bớt theo thời gian? Cần phải làm gì ngay lập tức? Câu trả lời cho những câu hỏi này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng xảy ra chiến tranh.

Bài viết đánh giá những nhân tố có thể gây ra tình huống lưỡng nan an ninh gay gắt và do đó sớm dẫn đến bạo lực. Sau đó, tác giả sẽ dùng “thế lưỡng nan an ninh” phân tích hai trường hợp: sự tan rã của Nam Tư và mối quan hệ Nga – Ucraina để minh họa cho tính hữu dụng của khái niệm này. Cuối cùng là phần đề xuất giải pháp nhằm giảm bớt khuynh hướng bạo lực.

## **Thế lưỡng nan an ninh**

Sự sụp đổ của chế độ đế quốc có thể dẫn đến tình trạng vô chính phủ. Chủ nghĩa hiện thực – một trường phái lâu đời và thường được nhắc đến trong quan hệ quốc tế - tập trung vào những hậu quả của tình trạng vô chính phủ, tức sự mờ nhạt của chủ quyền quốc gia trong quan hệ chính trị giữa các quốc gia dân tộc.<sup>1</sup> Ở những khu vực như Liên bang Xô Viết cũ và Nam Tư đã không còn khái niệm “chủ quyền”. Họ để lại nhiều nhóm sắc tộc, tôn giáo, văn hóa với ít nhiều sự gắn kết. Những nhóm này phải chú ý đến điều đầu tiên mà các quốc gia độc lập phải giả quyết – vấn đề an ninh – kể cả khi các nhóm người này vẫn chưa có đủ những đặc tính của một quốc gia.

Chủ nghĩa hiện thực cho rằng môi trường vô chính phủ khiến cho an ninh trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia trừ khi các quốc gia không quan tâm đến sự tồn vong của mình như những thực thể độc lập. Một khi còn quan tâm, các quốc gia vẫn phải cạnh tranh để nắm giữ chiếc chìa khóa cho an ninh – quyền lực. Cuộc tranh đua này thường dẫn đến việc những thực thể này tích lũy được nhiều quyền lực hơn mức cần thiết để giữ an ninh và do đó bắt đầu đe dọa những nhóm khác. Những nhóm bị đe dọa lại đáp trả.

Quyền lực tương đối là một khái niệm khó có thể đo đếm được và thường được đánh giá một cách chủ quan: một quốc gia khi sở hữu đủ sức mạnh để tự vệ thì dường như lại là một mối nghi ngại cho các nước lân cận. Vì nhu cầu duy trì độc lập và an ninh, các nước láng giềng sẽ phản ứng lại bằng cách củng cố vị trí của mình. Họ có thể bắt đầu hành động phản ứng kể cả khi không có vẻ gì là mình sẽ bị xâm lược. Đây chính là thế lưỡng nan an ninh: một nước củng cố an ninh của mình sẽ khiến nước khác phải phản ứng, cuối cùng lại có thể khiến mình kém an ninh hơn. Rất khó có sự hợp tác giữa các quốc gia để ngừng việc chạy đua này vì nếu một nước nào đó “gian lận” có thể làm vị thế quân sự của nước khác yếu đi. Tất cả đều sợ bị phản bội.

Thông thường các nhà lãnh đạo không công nhận sự tồn tại của vấn đề này: họ không đồng cảm với láng giềng của mình và không nhận thức được rằng hành động của họ khiến nước khác cảm thấy bị đe dọa. Tuy nhiên việc lãnh đạo quốc gia có nhận thức được hay không cũng không thay đổi được vấn đề. Hoàn cảnh buộc họ phải làm như thế.

Thế lưỡng nan an ninh sẽ tăng cao khi có hai điều kiện. Thứ nhất, khi tấn công và phòng thủ quân sự gần như giống nhau, các quốc gia không thể làm rõ ý định tự vệ và mục tiêu an ninh hạn chế của mình thông qua cách triển khai những hình thức lực lượng quân sự nhất định. Bất kỳ lực lượng nào đều thích hợp cho ý định tấn công. Ví dụ, nhiều người tin rằng lực lượng tăng thiết giáp là phương tiện tốt nhất để phòng thủ trước sự tấn công của

---

<sup>1</sup> Những tác phẩm về chủ nghĩa hiện thực sau đây cần thiết cho những người muốn nghiên cứu về xung đột sắc tộc: Kenneth Waltz, *Theory of International Politics* (Reading, MA: Addison Wesley, 1979), Chương 6 và 8; Robert Jervis, ‘Cooperation under the security dilemma’, *World Politics*, no.2, January 1978, pp. 167-213; Robert Jervis, *Perception and Misperception in International Politics* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1976), Chương 3; Thomas C. Schelling, *Arms and Influence* (New Haven, CT: Yale University Press, 1966,1976), Chương 1 và 6.

một lực lượng thiết giáp khác. Tuy nhiên, binh chủng tăng thiết giáp cũng có tiềm năng tấn công rất lớn. Vì thế các quốc gia có lực lượng này không thể biết được ý định của quốc gia khác là tấn công hay chỉ mang tính phòng thủ. Do đó họ buộc phải giả định tình huống xấu nhất có thể xảy ra.

Điều kiện thứ hai phát xuất từ tính hiệu quả của tấn công so với phòng thủ. Khi tấn công có hiệu quả hơn là phòng thủ, quốc gia sẽ chọn tấn công nếu họ muốn tồn tại. Điều này sẽ khuyến khích việc tiến hành chiến tranh phủ đầu khi có khủng hoảng chính trị vì ưu thế của việc tấn công sẽ tạo động cơ tấn công trước mỗi khi nguy cơ chiến tranh tăng cao. Bên cạnh đó, trong tình huống năng lực tấn công chiếm ưu thế, kể cả một ưu thế vừa phải về số lượng cũng sẽ gia tăng khả năng giành thắng lợi lên nhiều lần. Do đó, lợi thế của việc tấn công có thể dẫn đến chiến tranh phòng ngừa nếu quốc gia có được lợi thế quân sự dù lợi thế này có ngắn ngủi đi nữa.

Rào cản đối với sự hợp tác trong chính trị quốc tế đưa ra gợi ý về những vấn đề nảy sinh một khi chính quyền trung ương ở các quốc gia đa sắc tộc tan rã. Thế lưỡng nan an ninh ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nhóm tương tự như quan hệ giữa các quốc gia. Những nhóm này thậm chí còn gặp phải vấn đề phải tái thiết lại quốc gia mới từ đống đổ nát của đế chế cũ. Do đó họ còn dễ bị tổn thương gấp đôi.

Có nhiều ý kiến cho rằng quá trình sụp đổ của chế độ đế quốc đưa đến tình huống không thể phân biệt được giữa tấn công và phòng thủ và khiến cho việc tấn công có ưu thế hơn là phòng thủ. Thêm vào đó, quá trình hình thành quốc gia khác nhau cũng sẽ tạo ra cơ hội và nguy cơ. Những yếu tố trên ảnh hưởng rất lớn đến viễn cảnh xảy ra xung đột, bất kể đó có phải là một nhóm vừa thành lập từ đế chế cũ, có nền chính trị nội bộ non trẻ hay không. Những nhà phân tích thiên về ý kiến rằng hầu hết rắc rối bắt nguồn từ lý do khác như đặc tính cụ thể của bản sắc nhóm hay ở động cơ trước mắt khiến các nhà lãnh đạo mới dùng chiêu bài dân tộc để bảo đảm quyền lực của họ. Tuy nhiên, những nhà phân tích cần phải hiểu tình huống lưỡng an về mặt an ninh và những hệ quả của nó. Trong hầu hết các trường hợp có thể thấy không cần kích động chủ nghĩa dân tộc hay tính hiếu chiến vẫn có thể tạo ra những tình huống nguy hiểm.

### **Sự khó phân biệt giữa tấn công và phòng thủ**

Những nhóm người vừa giành được độc lập trước tiên phải xác định được láng giềng của mình có phải là một mối đe dọa hay không. Họ sẽ thăm dò thực lực quân sự của đối phương. Vì những vũ khí sẵn có của các nhóm này thường khá thô sơ, khả năng tấn công quân sự của họ chỉ dựa vào số lượng và ý chí của binh lính. Do đó, mỗi nhóm sẽ phải đánh giá tiềm lực quân sự dựa trên tiềm năng gắn kết và thành tích quân sự trong quá khứ của đối phương.

Kỹ thuật quân sự và khả năng tổ chức quân đội là những yếu tố chính để phân biệt giữa phòng thủ và tấn công. Tuy nhiên, trong lịch sử rất hiếm khi có sự khác biệt rõ ràng

giữa tấn công và phòng thủ, đặc biệt là trong cuộc chiến tranh giành lãnh thổ. Những lực lượng vũ trang trung lập như Phần Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ thường được coi là lực lượng phòng thủ. Các quốc gia này chủ yếu sử dụng bộ binh, thường được cho là ít có khả năng tấn công hơn lực lượng tăng thiết giáp và các vũ khí cơ giới khác. Tuy nhiên, khả năng tấn công quân sự yếu ớt của các nước này một phần là do so sánh với lực lượng quân sự khổng lồ của Liên Xô, đối thủ khả dĩ nhất của họ trong quá khứ. Trái với các quốc gia có quy mô và vũ trang tương tự, ba quốc gia này có thể có khả năng tấn công đáng kể, đặc biệt là khi lực lượng bộ binh của họ có được ý chí phi thường như bộ binh Đức và Pháp vào thời kỳ đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất, như bộ binh Trung Quốc và Bắc Việt Nam trong cuộc chiến chống người Mỹ và như bộ binh Iran trong cuộc chiến chống Iraq.

Kể từ khi cuộc Cách mạng Pháp lần đầu tiên sử dụng một số lượng lớn binh lính có ý chí chiến đấu, bản sắc dân tộc bền vững được cả các học giả và những người hoạch định và thực thi chính sách coi như là một thành tố quyết định khả năng chiến đấu của quân đội.<sup>2</sup> Bản sắc nhóm giúp cá nhân mỗi thành viên có thể hợp tác với nhau để đạt được mục đích chung. Khi người ta sẵn sàng hợp tác với nhau, một tập thể thống nhất sẽ mạnh mẽ hơn tổng cộng những cá nhân riêng rẽ. Do đó, “bản sắc nhóm” sẽ giúp mỗi cá nhân trong một tập thể sắc tộc, tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ hình thành sau sự sụp đổ của đế quốc một khả năng tấn công quân sự mạnh mẽ.

Khả năng quân sự của một nhóm mới độc lập thường ít tinh nhuệ: các căn cứ bộ binh được tổ chức đơn giản, trang bị vũ khí là những vũ khí còn lại, hoặc chiếm được từ chế độ trước. Sự gắn kết trong nhóm càng mật thiết thì khả năng quân sự của nhóm đó càng lớn. Đặc biệt, trong hoàn cảnh địa lý chật hẹp và cận kề nhau, sự kết hợp giữa lực lượng bộ binh cơ giới hoặc bán cơ giới, lực lượng lục quân với sức mạnh đoàn kết có thể khiến các nhóm khác phải e sợ. Và do đó, khả năng quân sự của họ thường được xem là mang tính tấn công.

Sự đoàn kết của nhóm đôi lập sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến cách mỗi nhóm đánh giá mức độ đe dọa quân sự của các nhóm khác. Tuy nhiên, về mặt tổng thể, khó có thể đánh giá chính xác mức độ đe dọa về mặt quân sự. Có thể thấy các nhóm người này mong muốn có một sự “đồng nhất” và an toàn. Người Pháp không muốn biến người Đức trở thành người Pháp và ngược lại. Tuy vậy, nỗ lực giữ an ninh của một nhóm sẽ rất dễ dẫn đến những hành xử gần như mang tính diệt chủng đối với nhóm kế cận. Do trong suốt chiều dài lịch sử có rất nhiều xung đột gắn với vấn đề bản sắc nhóm nên những người nổi lên như thủ lĩnh của các nhóm và lần đầu tiên phải đối mặt với nghĩa vụ phòng vệ sẽ nghi ngại về sự vô hại của những nhóm người có bản sắc nhóm mạnh mẽ.

---

<sup>2</sup>Xem Carl Von Clausewitz, *On War* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1984), pp. 591-92; Robert Gilpin, ‘The Richness of the Tradition of Political Realism’, trong Robert E. Keohane, *Neorealism and its Critics* (New York: Columbia University Press, 1986), pp. 300-21, đặc biệt pp. 304-308.

Những nhóm mới độc lập có thể dùng cách thức gì để đánh giá liệu ý thức về bản sắc của nhóm khác có liên quan đến khả năng tấn công hay không?<sup>3</sup> Họ chủ yếu dựa vào lịch sử: những nhóm khác đã hành xử thế nào vào lần cuối họ không bị ràng buộc? Họ đã từng có hành động tấn công quân sự bao giờ chưa? Thật không may, thường thì cách thức đánh giá này sẽ khiến các nhóm nghĩ rằng láng giềng của họ nguy hiểm hơn là không nguy hiểm.

Nguyên nhân là do phương pháp đánh giá lịch sử mà các nhóm này sử dụng khác với những tiêu chuẩn mà lịch sử hiện đại và khoa học xã hội phương Tây coi như mà chuẩn mực (hoặc ít ra là lý tưởng về nghiên cứu lịch sử và khoa học xã hội). Thứ nhất, những quốc gia đa sắc tộc bị tan rã thường che giấu hay bóp méo sự thật về sự kình địch trước kia để củng cố cho sự cai trị của họ. Chế độ cũ của Liên bang Xô Viết và Nam Tư thiếu một cam kết tôn trọng sự thật khi nghiên cứu về quá khứ. Thứ hai, thành viên của những nhóm khác nhau chắc chắn không quên được những hành động trong quá khứ của địch thủ của mình; nó được lưu truyền từ đời này qua đời khác bằng lịch sử truyền khẩu và hình thức lịch sử này chắc chắn sẽ có những điểm phóng đại trong quá trình truyền miệng và hiếm khi được xem xét, đánh giá một cách công bằng, khách quan. Thứ ba, vì lịch sử của họ phần lớn là truyền miệng, các nhóm khó có thể hiểu được cách nhìn của các nhóm khác về quá khứ. Thứ tư, khi chính quyền trung ương tan rã và những chính trị gia ở đó bắt đầu đấu tranh giành quyền lực, họ sẽ viết nên những phiên bản lịch sử trong các bài diễn văn chính trị. Nhưng vì nhằm mục đích huy động các lực lượng chính trị trong nước những bài diễn văn này có thể chủ yếu nhằm mang tính khuấy động tình cảm, cảm xúc.

Kết quả là nó sẽ dẫn đến một sự nhìn nhận mang tính bi quan nhất. Nhóm này có thể mặc định rằng bản sắc và sự gắn kết của nhóm kia là một mối đe dọa trừ khi có bằng chứng ngược lại. Nhưng để chứng minh khác đi là một điều vô cùng khó khăn. Bởi vì tính gắn kết của một nhóm là phương tiện cốt yếu để phòng vệ trước sự phá hoại nếu có của láng giềng, họ sẽ luôn nỗ lực để củng cố tính gắn kết đó. Những nhà tuyên truyền sẽ tạo ra những phiên bản lịch sử mang tính chính trị hóa và các cơ quan truyền thông sẽ được chỉ thị phải truyền bá phiên bản này. Giới truyền thông hoặc sẵn lòng hoặc bị bắt buộc phải tường thuật các sự kiện đang diễn ra theo hướng phóng đại mối đe dọa. Khi nhóm kế cận nhận thấy điều đó, họ cũng sẽ hành động tương tự.

Nói tóm lại, khả năng quân sự của nhóm thường phụ thuộc vào tính gắn kết của họ hơn là những vũ khí quân sự ít ỏi. Bản thân sự gắn kết này đã là một mối đe dọa vì nó có thể đem lại sức mạnh tình cảm cho quân đội thực hiện tấn công. Lịch sử các cuộc va chạm quân sự quy mô lớn cũng như việc đối xử tồi tệ với số lớn thường dân sẽ làm tăng khuynh hướng

---

<sup>3</sup> Vấn đề này chuyển sang việc đánh giá 'ý đồ', một vấn đề khác rất khó cho quốc gia trong chính trị quốc tế. Vấn đề này được xử lý như là một vấn đề về khả năng vì sự nổi lên của tình trạng vô chính phủ buộc những nhà lãnh đạo phải tập trung vào tiềm lực quân sự hơn là ý đồ. Trong những điều kiện đó, mỗi nhóm sẽ đặt ra câu hỏi liệu các nhóm kế cận của mình có sự gắn kết, nhuệ khí, tinh thần theo đuổi chiến tranh để hưởng ứng lời kêu gọi tấn công của các nhà lãnh đạo hay không.

xem các nhóm khác như một mối đe dọa. Họ sẽ “trang bị” cả về mặt quân sự lẫn về mặt ý thức hệ.

### **Ưu điểm của hành động tấn công so với phòng thủ**

Hai nhân tố có ảnh hưởng đến ưu thế của tấn công so với phòng thủ là: công nghệ và đặc điểm địa lý. Công nghệ thường được coi như là một yếu tố mang tính phổ quát bởi nó ảnh hưởng đến khả năng quân sự của tất cả các quốc gia. Địa lý là một yếu tố có thể thay đổi theo tình huống, khiến việc tấn công đặc biệt hấp dẫn đối với một số quốc gia vì những nguyên nhân cụ thể. Đây là vấn đề quan trọng nhất khi quốc gia sụp đổ.

Trong một số rất ít trường hợp trong lịch sử khi công nghệ quyết định một cách rõ ràng sự cân bằng giữa tấn công – phòng thủ, ví dụ như trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thì những người lính và thủ lĩnh thường không đánh giá cao sự ảnh hưởng của công nghệ. Do đó, không cần đi sâu vào vấn đề công nghệ, trừ vũ khí hạt nhân. Nếu một nhóm sở hữu vũ khí hạt nhân và nhóm lân cận cũng có vũ khí hạt nhân, mức độ ảnh hưởng của “bản sắc nhóm” đến tính lưỡng nan an ninh có thể không nhiều bằng so với trong trường hợp không có vũ khí hạt nhân. Vì sự đoàn kết nhóm không đóng góp vào khả năng thực hiện một cuộc tấn công nhằm tiêu hủy kho vũ khí hạt nhân của đối thủ, xét về khía cạnh quân sự chủ nghĩa dân tộc ít quan trọng hơn trong một mối quan hệ giữa các bên có vũ khí hạt nhân.

Yếu tố địa chính trị sẽ thường tạo ra một thế giới mà trong đó việc tấn công sẽ được ưu tiên lựa chọn một khi các đế chế sụp đổ. Một số nhóm sẽ có khả năng tấn công nhiều hơn vì họ sẽ bao vây một cách hiệu quả một vài hoặc tất cả các nhóm khác. Các nhóm khác có thể bị buộc phải tiến hành chiến lược tấn công để phá vỡ thế bao vây. Một nhóm dân cư riêng rẽ sẽ bị mắc kẹt trong biển người của nhóm dân cư khác. Khi một nước có các nhóm dân cư phân bố trên vùng lãnh thổ mà về mặt danh nghĩa là lãnh thổ của nước khác (vùng lãnh thổ lịch sử - irredenta), việc tự vệ của những nhóm riêng rẽ này khi gặp phải các hành động thù địch là vô cùng khó khăn. Những nhóm này cũng không thể giúp các nhóm khác, họ phải tự mình phá thế bao vây, phong tỏa dựa vào tương quan lực lượng của họ so với nhóm dân cư xung quanh và họ có thể sẽ không thể phòng thủ dựa vào địa thế được. Vì vậy, những người trong nhóm bị mắc kẹt đó có thể sẽ đặt niềm tin vào hành động tấn công quân sự nhanh chóng sẽ giúp nơi họ sinh sống thoát khỏi một số phận khủng khiếp.<sup>4</sup>

Yếu tố địa lý có thể biến đổi. Nhóm dân cư đơn lẻ có thể khá lớn, tự chủ kinh tế và có khả năng phòng thủ quân sự. Thêm vào đó, họ có thể cứu mình khỏi những rắc rối bằng cách cùng với số lượng lớn những đồng bào của mình gần đó hình thành một nhà nước quyền lực. Rất có khả năng các nhóm thù địch cũng có những nhóm dân cư khác trong nước

---

<sup>4</sup> Việc dân cư xung quanh sẽ xem vùng lãnh thổ lịch sử trong lãnh thổ của họ là một mối đe dọa tấn công bởi nhóm bên ngoài là hợp lý. Vùng đất sẽ bị xem như một “đạo quân thứ năm” cần phải được kiểm soát, đàn áp và thậm chí là trục xuất

họ, và họ có thể dùng các nhóm này làm con tin. Bên cạnh đó, các nhóm anh em với nhóm dân cư biệt lập có thể dùng vũ khí hạt nhân để trừng phạt nhóm dân cư bao quanh (nhóm dân cư biệt lập anh em của mình) nếu họ hành xử không đúng đắn. Tóm lại, có thể bảo vệ vùng lãnh thổ lịch sử của mình (irredenta) khỏi bị tấn công hoặc răn đe những hành động xâm lược bằng cách đe dọa trả đũa theo cách này hoặc cách khác.

Những nhóm sắc tộc đơn lẻ biệt lập có thể là động cơ cho chiến tranh phòng ngừa. Các nhà lý luận cho rằng việc nhận thức được lợi thế của tấn công khiến chiến tranh phòng ngừa hấp dẫn hơn: nếu một bên nắm được một cơ hội mà về sau không thể có được nữa và nếu có thể đạt được an ninh cao nhất bằng tấn công quân sự trong mọi trường hợp, người lãnh đạo sẽ có xu hướng nắm bắt thời cơ và tấn công.<sup>5</sup> Ví dụ như khi nhóm cư dân bao quanh sớm muộn gì cũng sẽ có thể chống đỡ lại những cuộc tấn công yểm trợ của từ nước mẹ cho các nhóm dân cư đơn lẻ, nhưng hiện tại họ vẫn còn yếu thì các nhóm đồng đạo sẽ có khuynh hướng sẽ tấn công sớm hơn.

Trong các tranh chấp giữa các nhóm nằm phân bố rải rác trên cùng lãnh thổ, tồn tại một lợi thế khác của tấn công – lợi thế tấn công chiến thuật. Mục tiêu của các nhóm là tạo ra một khu vực sinh sống ngày càng lớn cho một lượng dân cư đồng nhất. Do đó cư dân của nhóm khác sẽ phải được đưa ra khỏi khu vực sinh sống hiện tại. Người Serbia đã đưa ra thuật ngữ “thanh lọc sắc tộc” để mô tả mục tiêu này, nó gợi nhớ đến nỗi kinh hoàng 50 năm trước. Cuộc tấn công đó có một lợi thế chiến thuật rất lớn. Những lực lượng quân sự nhỏ nhắm đến thường dân không được trang bị hoặc được trang bị vũ khí rất nghèo nàn sẽ gây nên sự khiếp sợ kinh hoàng. Điều này dĩ nhiên luôn đúng, nhưng thậm chí kể cả những vũ khí đơn giản như súng máy, súng cối cũng có thể tăng sự tàn phá vì những người cuồng tín có thể dùng chúng để tấn công thường dân không được bảo vệ để trả thù: hậu quả là những băng nhóm nhỏ trong mỗi nhóm sẽ sẵn sàng tấn công các vùng dân cư của đối phương với hy vọng xua đuổi họ đi.<sup>6</sup> Số lượng lớn những người tị nạn chiến tranh trên thế giới ngày nay cho thấy việc này thường khá thành công.

Tính dễ bị tổn thương của thường dân tạo điều kiện cho những nhóm người cuồng tín bắt đầu cuộc xung đột. Những nhóm này rất khó có thể kiểm soát vì họ ít người và cuồng tín. (Điều này cho phép những người lãnh đạo của nhóm phủ nhận trách nhiệm đối với những hành động mà những nhóm này thực hiện.) Những hoạt động đó tạo ra một hệ quả chính trị lớn hơn nhiều so với quy mô của các băng đảng cuồng tín – làm tăng thêm nỗi sợ hãi ban đầu của nhóm người phía bên kia bằng cách khẳng định nỗi sợ hãi đó. Sự hiện diện hay vắng mặt của các băng nhóm nhỏ của những người cuồng tín là yếu tố quyết định khả năng tránh khỏi chiến tranh của nhóm khi vai trò của cơ quan quyền lực trung ương mờ

---

<sup>5</sup> Xem Stephen Van Evera, ‘The cult of the offensive and the origins of the First World War’, *International Security*, vol. 9, no. 1, Summer 1984, pp. 58-107.

<sup>6</sup> Vì sao họ không tự bảo vệ mình thay vì tấn công người khác? Ở đây có một giả thuyết đặt ra rằng những nhóm này quá nhỏ bé so với số lượng các thị trấn, làng mạc mục tiêu, vì vậy họ cảm thấy không thể tự bảo vệ mình một cách tự tin.

nhật. Dù hầu hết xã hội đều tạo ra một số ít người sẵn lòng chiến đấu bất kỳ lúc nào, sự nổi lên nhanh chóng của một nhóm có tổ chức của những cá thể đặc biệt quá khích chắc chắn là dấu hiệu của rắc rối.

Những hành vi tiêu biểu của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên Hiệp Quốc, tạo thêm động cơ cho hành động tấn công. Cho đến bây giờ, Liên Hiệp Quốc cũng không thể lường trước được các cuộc xung đột và đưa ra sự đảm bảo đáng tin cậy để làm giảm tình trạng lưỡng nan về an ninh. Mỗi khi có rắc rối chính trị ở một khu vực, Liên Hiệp Quốc có thể sẽ cố gắng can thiệp để “gìn giữ hòa bình”. Tuy nhiên, cái gọi là “gìn giữ hòa bình” này cũng chỉ đem lại lợi ích cho phe có lợi thế quân sự hơn. Thông thường, Liên Hiệp Quốc không lập lại hòa bình, họ chỉ đàm phán cho thỏa thuận ngừng bắn. Hai bên tranh chấp đồng ý ngừng bắn chỉ vì bên thắng thỏa mãn với thành quả của họ và bên thua lo sợ về những điều tệ hơn sẽ đến. Thêm vào đó, hai bên đã có một cuộc chiến đẫm máu và đang đến chỗ bế tắc, họ muốn nghỉ ngơi. Trong một chừng mực pháp lý, Liên Hiệp Quốc sẽ bảo vệ, và ở một mức độ nhất định, hợp pháp hóa những thành quả quân sự hiện có, hoặc cho cả hai bên thời gian trì hoãn để phục hồi. Sự can thiệp của cộng đồng quốc tế vào các cuộc xung đột sắc tộc đã tạo động cơ cho các hoạt động tấn công quân sự.

### **Thời cơ và nguy cơ**

Ở những nơi chính quyền trung ương vừa sụp đổ, các nhóm tách ra từ nhà nước cũ phải lường được quyền lực tương đối của nhau tại thời điểm đó và dự đoán được nó sẽ như thế nào trong tương lai. Những tính toán đó phải dựa vào nhiều yếu tố khác nhau. Nói một cách khách quan, sẽ chỉ một bên nhỉnh hơn. Tuy nhiên, tính phức tạp của tình huống khiến những nhóm đang cạnh tranh với nhau tin rằng viễn cảnh của họ sẽ sáng sủa hơn nếu họ sớm tiến hành một cuộc chiến tranh. Bên cạnh đó, nếu yếu tố địa lý cũng tạo nên những động lực như đã nói ở trên thì việc tranh thủ thời cơ có thể sẽ là một cám dỗ rất lớn. Những cơ hội này đặc biệt hấp dẫn đối với những nhóm muốn mở rộng lãnh thổ vì nhiều lý do khác.

Tốc độ khác nhau giữa các nhóm trong việc hình thành nhà nước cũng có ảnh hưởng lớn đến động cơ cho chiến tranh phòng ngừa. Khi chính quyền trung ương đã hoặc đang sụp đổ, các nhóm chính trị sẽ tách ra và cố gắng thành lập một nhà nước riêng của họ. Những nhóm này phải chọn ra người lãnh đạo, thiết lập bộ máy hành chính để thu thuế, cung cấp các dịch vụ, tổ chức lực lượng cảnh sát để giữ an ninh trong nước và lực lượng quân sự để gìn giữ an ninh đối với bên ngoài. Những thứ còn lại của chế độ cũ (đặc biệt là vũ khí, dự trữ ngoại tệ, dự trữ nguyên vật liệu thô, khả năng công nghiệp) sẽ được phân bố không đều trên lãnh thổ cũ. Một vài nhóm có vị thế được ưu đãi trong chế độ cũ, những nhóm khác thì không.

Quốc gia được thành lập bởi những nhóm này do đó sẽ khác nhau rất nhiều về sức mạnh. Điều này sẽ tạo ra lợi thế quân sự tức thời cho những nhóm đã tiến xa hơn trong quá trình thành lập nhà nước. Nếu nhóm có lợi thế lớn hơn tin rằng họ sẽ giữ vững được ưu thế



về số lượng thì họ sẽ không thấy có một thời cơ cần nắm bắt. Tuy nhiên, nếu nhóm này lo lắng ưu thế của mình sẽ suy yếu dần hay biến mất, họ sẽ có động cơ để giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong khi họ vẫn còn ở thế mạnh hơn nhiều so với đối thủ.

Sự khác biệt về quyền lực có thể tạo động lực cho các hành động chiếm đoạt để phòng ngừa, tạo nên chuỗi những hành động và phản ứng. Vì nguồn lực quân sự được phân bố không đều, thiếu thôn vũ khí do cấm vận, thiếu hụt tiền mặt hay sự hạn chế trong việc hòa nhập với thế giới bên ngoài, những kho nhỏ cất giấu vũ khí đóng vai trò rất quan trọng. Bất kỳ một cơ sở quân sự nào cũng sẽ là mục tiêu, đặc biệt là những nơi được canh phòng đơn sơ. Những nhóm được trang bị tốt hơn cũng có động cơ để chiếm lấy vũ khí vì nó sẽ giúp họ tăng ưu thế.

Hơn nữa, việc nhà nước cũ có áp dụng nghĩa vụ quân sự bắt buộc với tất cả các nhóm trong xã hội hay không cũng có những hệ quả nhất định. Nghĩa vụ quân sự bắt buộc sẽ tạo điều kiện cho hành vi trộm cắp vũ khí vì đối tượng muốn cướp vũ khí sẽ biết vũ khí nằm ở đâu và có thể di chuyển chúng bằng cách nào. Ưu thế và thành quả được tích lũy nhanh vì mỗi bên có thể nhanh chóng hợp nhất những ưu thế có được vào lực lượng hiện có. Sự gia tăng nhanh chóng những nguồn lực chiếm được thường thúc đẩy những nhà nước trong quá khứ tiến hành các hoạt động quân sự phòng ngừa.

Kỳ vọng về những hành động can thiệp bên ngoài có thể ảnh hưởng đến các tính toán về chiến tranh phòng ngừa. Trong lịch sử, điều này thường có nghĩa là sự kỳ vọng vào những hành động can thiệp của đồng minh vào bên này hoặc bên kia, cũng như giá trị của các đồng minh đó. Đó có thể là đồng minh ngầm hoặc công khai. Một nhóm biết rằng mình hoặc các nhóm khác có thể tìm được những người bạn ở bên ngoài. Họ còn có thể dự liệu rằng các đồng minh tự nhiên của nhóm kia đang tạm thời bận rộn hoặc giả là mình hay đối thủ có nhiều kẻ thù khác có thể tấn công nếu xung đột diễn ra. Số đồng minh càng nhiều, thì những toan tính này càng phức tạp và khả năng phạm sai lầm càng cao. Do đó, có thể cả hai nhóm đôi lập đều có thể nghĩ rằng hành vi dự kiến của các bên khác sẽ giúp họ mạnh hơn trong ngắn hạn.

Chiến tranh Lạnh kết thúc khiến số lượng các cuộc khủng hoảng và xung đột tăng nhanh đã làm cho “cánh cửa cơ hội” càng rộng mở. Những thiết bị truyền thông điện tử cung cấp những thông tin tình báo chiến lược toàn cầu về những vấn đề này cho bất kỳ ai chỉ với giá của một chiếc radio sóng ngắn, ít hơn nhiều so với một chiếc đĩa vệ tinh. Các cường quốc, các nước bậc trung và các tổ chức quốc tế chỉ có khả năng giải quyết cùng lúc một số ít các cuộc khủng hoảng. Những quốc gia muốn bắt đầu các hành động phòng thủ quân sự, nhưng lại sợ vấp phải sự chống đối từ bên ngoài có thể hành động nhanh chóng nếu họ nhận thấy các tổ chức quốc tế và các cường quốc đang bận rộn với những vấn đề khác.

## Người Croatia và người Serbia

Nhìn qua lăng kính lưỡng nan an ninh, giai đoạn đầu của quá trình Nam Tư bị tan rã chịu ảnh hưởng lớn của các nhân tố sau. Thứ nhất, các phe phái nhận ra sự tái nổi lên của vấn đề bản sắc và mối đe dọa bị tấn công. Trong suốt Chiến tranh thế giới lần thứ hai, khi không phải chịu những sự ràng buộc, họ đã bất chấp tất cả để tàn sát lẫn nhau. Bên cạnh đó, hệ thống quân sự của họ đào tạo ra những người lính để chiến đấu và phân bổ bộ binh rộng khắp trên lãnh thổ. Thứ hai, dường như việc tấn công sẽ có lợi thế hơn, đặc biệt là tấn công những người Serbia “mắc kẹt” giữa những người Croatia và trên lãnh thổ Hồi giáo. Thứ ba, những nước cộng hòa mới có sức mạnh không cân bằng. Những nguồn lực về mặt con người và kinh tế của họ khác nhau tùy vào cửa cải, vũ khí còn lại của chế độ trước, những đồng minh và kẻ thù bên ngoài. Hậu quả là động lực cho chiến tranh phòng ngừa ngày càng lớn. Thứ tư, là sự góp mặt của những người cuồng tín. Thật vậy, lịch sử chính trị quân sự của khu vực nhấn mạnh đến vai trò của những nhóm nhỏ bạo lực, cuộc kháng chiến chống người Thổ Nhĩ Kỳ; phong trào Ustashe trong những năm 1930, và phong trào cách mạng Ustashe và phong trào Chetniks trong suốt Chiến tranh Thế giới lần thứ hai.

Cả người Serbia và người Croatia đều có những câu chuyện truyền miệng kinh hoàng về cách hành xử của bên kia. Những câu chuyện đã có từ hàng trăm năm trước đó, dù cuộc xung đột giữa hai bên chỉ bắt đầu căng thẳng cách đây khoảng 125 năm. Lịch sử của khu vực rất dễ dẫn đến chiến tranh: khu vực này là biên giới của đế chế Hapsburg và đế chế Thổ Nhĩ Kỳ, Croatia là một phần không thể thiếu của bộ máy quân sự của đế chế Hapsburg. Việc áp đặt nền cai trị khắc nghiệt của người Hungary tại Croatia vào năm 1868; việc người Hungary sử dụng chiến lược chia để trị, khiến người Croatia và người Serbia ở Croatia chống lại nhau; sự nổi dậy như một quốc gia-dân tộc độc lập khỏi đế chế Ottoman của người Serbia và chính thức được công nhận ở châu Âu năm 1878; và tham vọng của Serbia muốn đại diện cho tất cả những người gốc Slavơ ở phía nam là nguồn gốc chính của cuộc xung đột Croatia-Serbia. Khi Nam Tư được thành lập sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, người Croatia đã có một cách nhìn rất khác về một quốc gia mới so với người Serbia. Họ hy vọng vào một hệ thống liên bang, trong khi người Serbia muốn phát triển một nhà nước tập quyền.<sup>7</sup> Người Croatia nhận thấy họ không được đối xử công bằng trong sự sắp xếp này, và điều này đã thúc đẩy sự phát triển của phong trào kháng chiến Ustashe sử dụng bạo lực, cộng tác với các cường quốc phát xít trong suốt những năm 1930.

Người Serbia có lý do để mặc định những điều tồi tệ nhất có thể xảy ra khi có sự tồn tại của một nhà nước Croatia độc lập, bởi hành vi của người Croatia trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Bộ phận chỉ huy của Ustashe được Đức Quốc xã lập ra ở Croatia. Người Serbia, kể cả những người cộng sản và không phải là cộng sản, đã chiến đấu với lực lượng Phe Trục, bao gồm cả người Croatia, và với nhau. (Một số người Croatia cũng đã chiến đấu

---

<sup>7</sup> James Gow, ‘Deconstructing Yugoslavia’, *Survival*, vol. 33, no. 4, July/August 1991, pp. 292; J.B Hoptner, *Yugoslavia in Crisis 1934-1941* (New York: Columbia University Press, 1962), pp. 1-9.

trong phong trào cộng sản của Josef Tito nhằm chống lại Đức Quốc xã.) Khoảng một triệu người đã chết trong cuộc chiến – tương đương 5,9% dân số Nam Tư trước chiến tranh.<sup>8</sup> Người Croatia đã đối xử vô cùng tàn bạo đối với người Serbia, gần 500.000 người Serbia đã thiệt mạng, nhiều hơn gấp hai lần so với số người chết của Croatia.<sup>9</sup> (Tất nhiên người Đức cũng phải chịu trách nhiệm cho sự thiệt mạng của người Serbia). Hầu hết trong số này đã không bị giết trong trận chiến, họ là thường dân bị giết trong các cuộc tấn công khủng bố quy mô lớn.

200.000 người Croatia đã chết trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, họ đã phải gánh chịu sự tàn phá từ nhiều phía. (Phía phi cộng sản, phía những "người theo chủ nghĩa dân tộc" Chetniks, là những thủ phạm tàn sát người Croatia nhiều nhất, điều đó giải thích cho việc Cộng hòa Croatia lo ngại cách nói về chủ nghĩa dân tộc của nước Cộng hòa Serbia mới). Sống trong thời kỳ trước và sau khi Nam Tư bị thống trị bởi người Serbia, người Croatia có lý do để cho rằng sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Nam Tư sẽ kéo theo tham vọng bá chủ của Serbia. Năm 1971, Đảng Cộng sản Croatia đã có một cuộc thanh trừng những người lãnh đạo ủng hộ quyền tự trị lớn hơn. Ngoài ra, lịch sử của người Serbia trong suốt 200 năm qua là một trong những nỗ lực để thiết lập một nhà nước tập quyền lớn mạnh của người Serbia trên bán đảo Balkan. Do đó, người Croatia đã có đủ lý do để lo sợ đối với người Serbia.

Người Serbia ở Croatia sống rải rác thành một số nhóm dễ bị tấn công, họ chỉ có thể được "giải cứu" nhờ vào hành động tấn công từ Serbia. Những cuộc giải cứu đó dĩ nhiên sẽ gặp trở ngại to lớn bởi Bosnia. Đây cũng là một phần lý do giải thích cuộc chiến tại Bosnia. Bên cạnh đó, Serbia không thể mãi dựa vào việc duy trì ưu thế quân sự tuyệt đối so với Croatia: mặc dù số lượng người Serbia đông gấp 2 lần người Croatia đang sinh sống trên lãnh thổ Nam Tư cũ, nhưng Croatia lại giàu có hơn Serbia.<sup>10</sup> Croatia cũng có một số đồng minh trong Nam Tư cũ, đặc biệt là người Hồi giáo Bosnia, do đó có phần thành thạo hơn đối với việc tìm kiếm đồng minh bên ngoài. Vì Croatia giữ cương vị một quốc gia và có được sự công nhận của quốc tế, sức mạnh quân sự của nước này dự kiến sẽ ngày càng tăng. Theo quan điểm của người Serbia, người Serbia ở Croatia không được đảm bảo an toàn và sẽ ngày càng mất an toàn.

Nhìn từ góc độ quân sự, có lẽ người Croatia tốt hơn nên trì hoãn sự ly khai cho đến khi đã có thêm sự chuẩn bị về mặt quân sự. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm của người Croatia qua sự kiện năm 1971 cùng với những diễn biến chính trị gần đây và sự chuẩn bị của quân

---

<sup>8</sup> Ivo Banac, 'Political change and national diversity', *Daedalus*, vol. 119, no. 1, Winter 1990, pp. 145-150, ước lượng khoảng 487.000 người Serbia, 207.000 người Croatia, 86.000 người Hồi giáo Bosnia và 60.000 người Do Thái chết ở Nam Tư trong chiến tranh.

<sup>9</sup> Aleksa Djilas, *The Contested Country* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1991), pp.103-28, đặc biệt xem chương 4, 'The National State and Genocide: The Ustasha Movement, 1929-1945', đặc biệt trang 120-27, mô tả cụ thể cuộc tàn sát của người Croatia đối với người Serbia cũng như người Do Thái và người Di-gan; tuy nhiên Djilas không giải thích 200.000 người Croatia chết như thế nào.

<sup>10</sup> Xem Sabrina Ramet, *Nationalism and Federalism in Yugoslavia 1962-1991* (Bloomington, IN: Indiana University Press, 2<sup>nd</sup> ed., 1992), Phụ lục 2, p. 286.

đội Nam Tư cho thấy người Serbia sắp sửa tấn công và những nhà lãnh đạo Croatia sẽ bị bao vây, bỏ tù hoặc bị giết nếu họ không hành động nhanh chóng.

Mỗi bên không chỉ phải đánh giá khả năng mà còn cả ý đồ của bên kia và đã có rất nhiều tín hiệu về ý đồ xấu. Trong những năm từ 1987 đến 1990, Slobodan Milosevic đã chấm dứt quyền tự chủ hành chính trong Serbia dành cho Kosovo và Vojvodina trong hiến pháp năm 1974.<sup>11</sup> Vào tháng 8 năm 1990, người Serbia ở vùng Dalmatia của Croatia tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý đòi quyền tự trị văn hóa, họ lập các rào chắn vũ trang nhằm chống lại nguy cơ Croatia sẽ gây trở ngại.<sup>12</sup> Tháng Mười, quân đội Nam Tư bắt đầu tịch thu tất cả các vũ khí hạng nặng được cất giữ ở Croatia của các lực lượng bảo vệ lãnh thổ để đảm bảo lợi thế quân sự lớn hơn so với lực lượng vũ trang non trẻ của nước cộng hòa Croatia.<sup>13</sup> Thời cơ của người Serbia đang ngày càng chín muồi. Người Croatia tăng tốc chuẩn bị quân sự cho mình.

Rất khó có thể biết được Croatia có dự định can thiệp vào cuộc trưng cầu dân ý tại Dalmatia hay không và can thiệp đến mức nào. Tuy nhiên, Croatia đã thổi bùng lên ngọn lửa ly khai của Serbia với một loạt các quyết định đáng quan ngại. Mùa xuân năm 1990, người Serbia ở Croatia được coi là thiểu số, không còn là một dân tộc cấu thành nên quốc gia, và họ phải tuyên thệ trung thành. Cảnh sát cũng như một số quan chức địa phương người Serbia đã được thay thế bằng người Croatia. Không có một đề nghị nào về tự chủ văn hóa lúc bấy giờ. Các chính sách của Croatia rõ ràng đã làm gia tăng mối lo ngại của Serbia về tương lai và càng khiến họ muốn khai thác triệt để ưu thế quân sự của mình.

Có lẽ người Croatia đánh giá quá cao độ tin cậy và ảnh hưởng của Cộng hòa liên bang Đức với tư cách là một đồng minh bởi các yếu tố kết hợp lịch sử Chiến tranh thế giới lần thứ hai, những ngộ nhận trên diện rộng được tạo ra bởi truyền thông châu Âu và những thủ lĩnh chính trị phương Tây về vị thế gần như một siêu cường của Đức, tầm ảnh hưởng của cộng đồng nhập cư người gốc Croatia tại Đức, cũng như chính sách ngoại giao của Đức vốn khá thuận lợi cho Croatia ngay cả trước khi Croatia tuyên bố độc lập vào tháng 6 năm 1991.<sup>14</sup> Những vấn đề này có thể thúc đẩy Croatia tiến hành ly khai. Ngược lại, các chiến dịch tuyên truyền của Serbia đã nhanh chóng nhấn mạnh mối liên hệ giữa Croatia với Đức và dự đoán các tham vọng tương lai của Đức trong khu vực Balkan.<sup>15</sup> Dù công bằng hay không, viễn cảnh này chắc chắn tác động đến tính toán về một cuộc chiến tranh phòng ngừa của Serbia.

---

<sup>11</sup> Gow, *op. cit.*, tại chú thích 6, p. 294, Vojvodina là nơi duy nhất trong Nam Tư có lượng dầu mỏ và khí gas với Serbia, nên hành động này hầu như chắc chắn có một động cơ chiến lược. Xem Central Intelligence Agency, *Atlas of Eastern Europe* (Washington, ĐỨC: US Government Printing Office, 8/1990), p.10.

<sup>12</sup> International Institute for Strategic Studies, *Strategic Survey 1990-1991*, (London: Brassey's for the IISS, 1991), p. 167.

<sup>13</sup> Gow, *op. cit.*, in note 6, p. 299.

<sup>14</sup>Xem John Newhouse, 'The diplomatic round', *The New Yorker*, 24 August 1992, đặc biệt pp. 63, và John Zarnitska, *The Yugoslavia Conflict*, Adelphi Paper 270 (London: Brassey's for the IISS, 1992), pp. 63-65

<sup>15</sup>Ramet, *op.cit.*, in note 10, p. 265.

## **Nga và Ucraina**

Thông qua cách nhìn nhận về vấn đề về lương nan an ninh, một số yếu tố quan trọng trong mối quan hệ giữa Nga-Ucraina có thể cho thấy khả năng có một cuộc xung đột như tại Nam Tư không lớn. Đầu tiên, người Nga và Ucraina ít có khuynh hướng xem sự gắn kết của người dân phía bên kia như một mối đe dọa tấn công quân sự. Một yếu tố ổn định chủ yếu ở đây là sự hiện diện của lực lượng hạt nhân Liên Xô ở cả Nga và Ucraina, mang lại cho cả hai bên một khả năng răn đe mạnh mẽ. Thứ hai, nhận thức của mỗi bên về vấn đề bản sắc của phía bên kia tương đối ôn hòa. Thứ ba, mô hình định cư tạo ra tương đối ít áp lực dẫn đến những hành động tấn công. Đây là ba yếu tố giảm áp lực dẫn đến một cuộc chiến tranh phòng ngừa.<sup>16</sup>

Các lực lượng hạt nhân của Liên Xô cũ - cả lực lượng thuộc sự kiểm soát của Cộng đồng các quốc gia độc lập (thực tế là người Nga) lẫn những lực lượng có tình trạng không rõ ràng tại Ucraina - có thể giúp ổn định mối quan hệ Nga – Ucraina. Điều này là do vũ khí hạt nhân có thể gây nguy hiểm cho bất cứ bên nào có ý định khởi động một chiến dịch bạo lực chống lại bên kia. Sự răn đe lẫn nhau chiếm ưu thế trong việc ngăn ngừa chiến tranh. Trong cuộc chiến tinh thần giữa hai quốc gia hạt nhân về cuộc tấn công vào nhóm dân tộc thiểu số, bên đại diện cho quyền lợi của các nạn nhân sẽ có độ tin cậy hơn vì bên đó sẽ được coi là phía duy trì nguyên trạng. Những hậu quả quân sự tiềm tàng từ “bản sắc nhóm” của mỗi bên do đó đã giảm đi.

Hầu hết các lực lượng hạt nhân Liên Xô nằm dưới sự kiểm soát của Nga khiến cho một cuộc bạo động quy mô lớn chống người Nga tại Ucraina sẽ trở nên vô cùng nguy hiểm. Sự hiện diện của một số lượng lớn vũ khí hạt nhân trên Ucraina mang lại cho Ucraina “một sự răn đe nằm ngoài tầm kiểm soát.” Mặc dù những vũ khí này được cho là vẫn nằm dưới sự kiểm soát kỹ thuật của Cộng đồng các quốc gia độc lập (Nga), hành động quân sự của Nga với Ucraina có thể thúc đẩy Ucraina nỗ lực để chiếm giữ những vũ khí này. Với sự hiện diện đáng kể của người Ucraina trong bộ phận sĩ quan và hạ sĩ quan Xô Viết, có thể có nhiều người Ucraina rất rõ về vũ khí hạt nhân. Điều này khiến cho kịch bản chiếm giữ vũ khí hạt nhân của Ucraina hoàn toàn khả thi. Tuy đó sẽ là một cuộc khủng hoảng hạt nhân lạ thường nhưng nó cũng đủ khiến các cường quốc hạt nhân hành xử thận trọng trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Một chiến dịch chính trị dân tộc chủ nghĩa công khai ở Nga kêu gọi hành động chống lại Ucraina có thể khiến người Ucraina chiếm lấy những vũ khí đó.

---

<sup>16</sup> Việc gỡ khóa cạnh chiến lược ra khỏi các khía cạnh dân tộc chủ nghĩa thuần túy trong cuộc tranh chấp về bán đảo Crimea là rất khó. Việc những nhà dân tộc chủ nghĩa Nga lo lắng cho sự an toàn của người Nga ở Crimea là đáng ngờ vì người Nga rõ ràng chiếm đa số ở đó và Crimea có khả năng phòng vệ đáng kể. Những nhà dân tộc chủ nghĩa Nga muốn nó vì việc giành được Crimea từ tay Thổ Nhĩ Kỳ được coi là một thành công lớn của Nga. Có thể người Ucraina muốn giữ Crimea vì họ lo rằng nhượng bộ trong việc này sẽ dẫn đến những yêu cầu khác của Nga trong việc điều chỉnh lãnh thổ. Những thành tố chiến lược có thể quan trọng trong tính toán của cả hai bên. Kiểm soát Crimea và Hạm đội Biển Đen sẽ giúp Nga kiểm soát giao thương đường biển của Ucraina từ Odessa.

Lịch sử Nga và Ucraina viết về nhau, cũng như các mối quan hệ trong quá khứ, ít đáng sợ hơn những gì đã được tìm thấy trong các nhóm ở Nam Tư cũ. Không có ghi chép về sự đối đầu quân sự quy mô lớn giữa Nga-Ucraina và không có một cuộc chiến đẫm máu rõ ràng, nổi trội nào. Tuy nhiên, một giai đoạn lịch sử nguy hiểm có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tâm lý bài Nga trong lịch sử Ucraina: chiến tranh của người cộng sản chống lại nông dân độc lập và nạn đói trong giai đoạn 1930-1932 đã khiến hàng triệu người đã chết.<sup>17</sup> Nếu Ucraina bắt đầu đổ lỗi nạn đói cho Nga, đây sẽ là một yếu tố khá nguy hiểm về mặt chính trị. Nếu thay vào đó nạn đói tiếp tục được quy trách nhiệm cho một Đảng Cộng sản lãnh đạo bởi một “kẻ tâm thần” người Grudia (*tức Joseph Stalin - NHD*) thì điều này sẽ ít gây rắc rối hơn. Tổng thống Ucraina Leonid Kravchuk, trong lời phát ngôn công khai, có xu hướng miêu tả những người Cộng sản Bolshevik chứ không phải người Nga là thủ phạm gây ra nạn đói.<sup>18</sup>

Việc nạn đói không có vai trò lớn trong các phát ngôn mang tính dân tộc chủ nghĩa tại Ucraina là một dấu hiệu tốt, nhưng sự kiện lịch sử này cũng tiềm ẩn những nguy cơ bùng phát. Những nhà dân tộc chủ nghĩa Nga do đó phải rất cẩn thận với việc định hình mối quan hệ Nga-Ucraina trong tương lai. Nếu họ đặt Ucraina ở vị thế thấp hơn trong mối quan hệ đó, những người yêu nước Ucraina sẽ càng có cơ để miêu tả nạn đói như là một tội ác của Nga trong nỗ lực của họ nhằm tạo sự gắn kết để chống lại sự thống trị của Nga. Từ *Izvestia* đưa tin rằng lãnh đạo khối “Nước Nga thống nhất” trong nghị viện Nga, Sergei Baburin đã nói với đại sứ Ucraina “Hoặc là Ucraina tái hợp nhất với Nga hoặc là sẽ có một cuộc chiến tranh diễn ra”.<sup>19</sup> Những phát ngôn như vậy sẽ được theo dõi và gây ra những phản ứng tại Ucraina.

Rất khó để những nhà yêu nước Ucraina lập luận một cách thuyết phục rằng họ đã bị Nga lợi dụng.<sup>20</sup> Người Ucraina chiếm tỉ trọng lớn trong chính quyền Xô Viết và bộ máy quân sự.<sup>21</sup> Tỉ trọng của Ucraina trong tổng sản phẩm quốc dân của Liên Xô còn lớn hơn tỉ trọng dân số của họ, và những hàng hóa họ sản xuất ra cho thấy họ đã được hưởng mức phân chia xứng đáng trong đầu tư công nghiệp.<sup>22</sup> Tuy nhiên, những người theo chủ nghĩa dân tộc

---

<sup>17</sup> Norman Stone, ‘The mark of history’, *The National Interest*, vol. 27, Spring 1992, p. 37 có số liệu về 8 triệu người chết trong nạn đói.

<sup>18</sup> Xem phỏng vấn tổng thống Ucraina Leonid Kravchuk trên *Le Figaro*, 23 January, 1992 được trích dẫn theo *Foreign Broadcast Information Service (FBIS)*, 2 April, 1992 và trên *Der Spiegel*, 3 February, 1992 theo FBIS, 2 April, 1992.

<sup>19</sup> Trích trong Roman Solchanyk, ‘The Crimean imbroglio: Kiev and Moscow’, *Radio Free Europe/Radio Library Research Report*, vol. 1, no. 40, 9 October 1992.

<sup>20</sup> Abraham Brumberg, ‘Not so free at last’, *New York Review of Books*, 22 October 1992, p. 62, cho thấy nhiều người Ucraina tin rằng Moscow luôn xem Ucraina là ‘...một thuộc địa để khai thác’

<sup>21</sup> Người Ucraina chiếm khoảng ¼ số sĩ quan Xô Viết và cũng hiện diện nhiều trong Đảng Cộng sản, xem Brian Taylor, ‘Read Army blues: the future of military power in the former Soviet Union’ *Breakthroughs*, vol. 2, no. 1, Spring 1992, pp.1-8; Adrian Karatnycky, ‘The Ukrainian factor’, *Foreign Affairs*, vol. 71, no. 3, Summer 1992, p.107

<sup>22</sup> Dân số Ucraina chiếm 18% dân số Liên Xô và sản xuất 33% số TV, 25% thiết bị vận hành bằng máy tính và thiết bị tự động, 22% máy kéo, 31% máy gặt. Xem Karatnycky, *op. cit.*, tại chú thích 20, pp. 96-97, Julian Cooper cho rằng 17.5% số công nhân quốc phòng Liên Xô làm việc ở Ucraina vào giữa những năm 1980 và

tại Ucraina khẳng định Liên Xô đã bòn rút đáng kể những nguồn lực kinh tế của họ, thậm chí lên đến một nửa tổng sản phẩm quốc dân của Ucraina.<sup>23</sup>

Quan trọng hơn, những người theo chủ nghĩa dân tộc tại Ucraina và nhiều học giả cho rằng cả đế chế Nga lẫn Liên Xô sau này đều tìm mọi cách kìm hãm sự phát triển của bản sắc riêng Ucraina và Nga hóa Ucraina. Kinh nghiệm này dẫn đến việc tái khẳng định bản sắc văn hóa và chính trị của Ucraina.<sup>24</sup> Đáng báo động là Rukh, một đảng ủng hộ độc lập tại Ucraina, rõ ràng đang có xu hướng cực đoan hơn, coi nước Nga và người Nga như kẻ thù.<sup>25</sup>

Tuy nhiên, những dấu hiệu đáng lo ngại đó phải được đặt trong bối cảnh nhất định. Trên tổng thể, những thù hằn dân tộc không đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực độc lập của Ucraina. Ban đầu, cả hai đảng lớn nhất của Ucraina đều cố gắng giúp đỡ các nhóm khác trong nước, không có ghi nhận nào về việc công dân Nga ngược đãi người Ucraina. Trong nhiều năm, người Ucraina và người Nga sống ở khu vực phía đông khá hòa thuận. Phần lớn người Nga ủng hộ nền độc lập của Ucraina. Không có báo cáo nào về việc những băng nhóm Ucraina chống phá người Nga.<sup>26</sup>

Do đó lịch sử về mối quan hệ Nga – Ucraina khá thuận lợi cho việc gìn giữ hòa bình. Không bên nào có lý do vững chắc để cho rằng “bản sắc nhóm” của bên kia đe dọa sự tồn tại của mình. Tuy vậy, lịch sử chính trị Nga- Ucraina cũng có dẫn đến sự mất lòng tin của người Ucraina và nạn đói trong những năm 1930-1932 là giai đoạn lịch sử duy nhất có thể gây hậu quả tiêu cực.

Tình trạng an ninh giữa hai nền cộng hòa có một nền tảng vững vàng. 12 triệu người Nga ở Ucraina (chiếm 21% dân số) không bị đặt ở vị thế đơn lẻ, dễ bị tổn thương, họ sống ở những khu vực gần nhau và gần biên giới với Nga. Những nhóm khác thì ở gần bờ Biển Đen, điều có thể giải thích sự tranh chấp căng thẳng trong việc bố trí Hạm đội Biển Đen. Có rất nhiều người Nga trong lực lượng vũ trang của quốc gia Ucraina mới độc lập, gây khó khăn cho bất cứ hành động chống cư dân Nga của Ucraina. Trục xuất người Nga ra khỏi phần lãnh thổ phía Đông là một việc khó khăn cho người Ucraina. Nga vẫn là một cường quốc hạt nhân, do đó Nga đang đứng ở thế có thể tạo ra mối đe dọa để bảo vệ sự an toàn của mình. Bên cạnh đó, nếu cần thiết, những người Nga gốc Ucraina ở gần biên giới với Nga sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho một chiến dịch giải cứu cư dân gốc Nga. Việc Nga có dân số, sự thịnh vượng và khả năng chiến đấu bằng vũ khí thông thường gấp ba lần Ucraina cũng sẽ thuận lợi cho việc giải cứu. Nói tóm lại, Nga không buộc phải thực hiện các cuộc tấn công

---

khoảng 13.7% xí nghiệp quốc phòng Liên Xô đóng ở đây. Xem bảng 5 và 7 trong ‘Reconversion industrielle’, *La D composition de l’Arm e Sovi tique*, Dossier No. 45 (Paris: FeDN, April 1992), pp. 151,153.

<sup>23</sup>Valeriy Semivolos, “An army for Ucraina”, *Vecherniye novosti*, 20 July 1991, p. 3 (dịch trong *Commonwealth of Independent States, A Journal of Selected Press Translations*, vol. 2, no. 2, Spring 1992, pp.33-34). Semivolos đưa ra số liệu 100 triệu trong 218.5 tỉ rúp GNP của Ucraina đã đi vào tay Moscow.

<sup>24</sup>Brumberg, *op. cit.*, in note 20, p. 60.

<sup>25</sup>*Ibid.*, pp.59-60.

<sup>26</sup>Tuy nhiên, sự xuất hiện của một nhóm tự xưng là người Cossacks là một nguyên nhân đáng để quan tâm, nhưng họ không bộc lộ một khuynh hướng chống Nga cụ thể nào.

để bảo vệ kiều dân của họ ở Ucraina. Vì Nga có thể bảo vệ các nhóm cư dân người Nga ở Ucraina sau này nên họ ít có động để cơ giải quyết vấn đề ngay bây giờ.

Nói người Nga có thể bảo vệ cư dân gốc Nga không có nghĩa là một sự can thiệp quân sự của Nga ở Ucraina sẽ không tổn kém hay sẽ an toàn. Người Ucraina được thừa hưởng kho vũ khí phong phú từ Liên Xô; sự hiện diện của người Ucraina trong nền quân sự Xô Viết bảo đảm cho quân đội Ucraina biết cách sử dụng những vũ khí mà họ sở hữu và bóp nghẹt bất kỳ ý tưởng nào của Nga nhằm cướp lấy một cách nhanh chóng số lượng lớn các thiết bị quân sự.<sup>27</sup> Nỗ lực cưỡng ép Ucraina có thể đẩy nhanh nỗ lực của nước này nhằm nắm lấy những vũ khí hạt nhân trên lãnh thổ của họ. Do đó dù rõ ràng Nga có khả năng để bảo vệ cư dân người Nga tại Ucraina trong trường hợp xảy ra áp bức, nếu không có một hành động khiêu chiến nào, rất khó để những Nga theo chủ nghĩa dân tộc thuyết phục nước mình tấn công Ucraina.

Cuối cùng, không giống như Nam Tư, những nhân tố bên ngoài cũng khiến gia tăng những yếu tố kiềm hãm xung đột trong mối quan hệ Nga – Ucraina. Vì khá gần với Tây Âu và được trang bị vũ trang nhiều, nên Nga và Ucraina hoàn toàn hợp lý khi cho rằng một cuộc xung đột giữa hai bên bị những cường quốc bên ngoài chỉ trích. Mỗi bên đều có lý do để sợ bị gọi là kẻ xâm lược trong cuộc xung đột vì Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu thiếu sự ràng buộc hữu cơ với Nga hay với Ucraina. Do đó chính sách của phương Tây cân bằng hơn giữa hai bên. Cho đến nay phương Tây thường có khuynh hướng kẻ cả bề trên với Ucraina và nuông chiều với Nga: đó là một sai lầm. Sẽ tốt hơn nếu cả hai bên tin rằng bên nào bị coi là kẻ xâm lược trong một cuộc xung đột Nga-Ucraina cũng sẽ hứng chịu sự thù địch của một liên minh giàu mạnh và đầy quyền lực nhất trong lịch sử thế giới.

Nói tóm lại, dù có nhiều dấu hiệu nguy hiểm trong mối quan hệ Nga-Ucraina, thế lưỡng nan an ninh không tăng cao trong trường hợp này. Chừng nào các cường quốc phương Tây còn muốn có hòa bình giữa hai cường quốc này, hiện trạng thuận lợi này nên được tiếp tục duy trì.

### **So sánh ngắn gọn**

Những điểm chính của hai trường hợp làm nổi bật lên các nhân tố khiến chiến tranh xảy ra ở Nam Tư và vẫn giúp giữ vững hòa bình trong mối quan hệ Nga-Ucraina. Sự so sánh này cũng xác định những dấu hiệu cảnh báo ban đầu cần được quan tâm bởi Nga và Ucraina.

Trong trường hợp Nam Tư, Croatia và Serbia nhận thấy bản sắc của nhau là mối đe dọa vì khả năng quân sự thô sơ và lịch sử không mấy tốt đẹp trong mối quan hệ của

---

<sup>27</sup>Taylor, *op. cit.*, chú thích 21, p. 3, đưa số liệu có 20 sư đoàn đóng ở Ucraina và 4.000 đầu đạn hạt nhân đặt ở đây. Có 28 căn cứ không quân và 2-4 căn cứ hải quân. Có vẻ như các vũ khí hạt nhân chiến thuật phóng từ mặt đất và trên không đã được tháo dỡ, để lại hơn 1.200 đầu đạn hạt nhân chiến lược đi kèm cùng tên lửa đạn đạo và máy bay ném bom chiến lược. Tình trạng vũ khí hạt nhân của Hạm đội Biển Đen thì vẫn chưa rõ ràng.



họ. Trong trường hợp Nga-Ucraina, vũ khí hạt nhân làm mờ đi các cuộc chạy đua thông thường, khiến cho tính liên kết nhóm ít bị ảnh hưởng bởi vũ khí quân sự. Nếu Ucraina từ bỏ kho vũ khí hạt nhân như đã cam kết, điều này sẽ nhanh chóng dẫn đến việc dựa vào chủ nghĩa dân tộc để gia tăng sức mạnh quân đội để có thể chống lại Nga thông qua ý chí chiến đấu cao hơn. Giảm trừ kho vũ khí hạt nhân của Ucraina sẽ khiến Nga mạnh hơn và Ucraina muốn độc lập hơn. Đây là điều nguy hiểm.

Trong trường hợp Nam Tư, Croatia và Serbia dễ bị tổn thương về mặt quân sự và người Serbs ở Serbia chỉ có duy nhất một cách để bảo vệ mình – tấn công nhanh chóng và mạnh mẽ. Người Nga ở Ucraina ít bị đơn độc và có thể được bảo vệ bằng nhiều cách: họ có thể tự bảo vệ mình dựa vào số đông và sự hiện diện của họ trong quân đội Ucraina; Nga cũng có thể tạo ra mối đe dọa bằng vũ khí hạt nhân và quân đội Nga hầu như chắc chắn có thể duy trì ưu thế đáng kể hơn Ucraina để có thể thực hiện một cuộc phản công để cứu viện nếu cần. Việc chống lại hiện tượng Nga hóa có hệ thống trong lực lượng vũ trang Ucraina cùng với sự suy giảm khả năng quân sự nhanh chóng của Nga là một dấu hiệu của rắc rối trong mối quan hệ Nga – Ucraina.

Dù người Ucraina và người Nga chung sống tại khu vực đông Ucraina, không có băng nhóm nào nổi lên và gây ra những tội ác giữa hai cộng đồng người này. Ở Nam Tư, những băng nhóm như thế đã nổi lên ngay từ đầu trong quá trình tan rã của quốc gia này. Có thể sự hiện diện của người Nga trong quân đội Ucraina khiến việc đó không xảy ra, hoặc cũng có thể trong Liên bang Xô Viết cũ đã có nhiều vùng hỗn độn khác đủ để thu hút các băng nhóm có khuynh hướng bạo lực đến. Ngược lại các băng nhóm côn đồ người Croatia và Serbia không có nơi để họ thỏa mãn khuynh hướng bạo lực của mình. Nếu có sự xuất hiện của những nhóm nhỏ khủng bố người Nga hay Ucraina, điều này có thể sẽ ảnh hưởng tai hại đến mối quan hệ giữa hai nền cộng hòa và là tín hiệu của rắc rối.

Trong trường hợp Nam Tư, người Serbia có nhiều động cơ tiến hành chiến tranh phòng ngừa. Họ chỉ đông hơn người Croatia với tỷ lệ 2:1 và không có lợi thế nào về mặt kinh tế. Người Croatia có thể tìm đồng minh trong Nam Tư cũ. Họ cũng có thể tìm đồng minh ở bên ngoài. Serbia ở vị trí kém thuận lợi hơn. Serbia được hưởng các thừa kế từ thời Nam Tư nên ban đầu có sức mạnh quân sự lớn hơn Croatia. Sự kết hợp giữa việc dựa vào tấn công để bảo vệ đồng bào mình ở Croatia và lợi thế quân sự tuy là tạm thời nhưng rất lớn trở thành một cảm dỗ khó lòng kháng cự được.

Người Nga có rất ít động lực cho chiến tranh phòng ngừa. Với nguồn nhân lực và vật chất nhiều gấp ba lần so với Ucraina, thì cân bằng sức mạnh quân sự giữa hai bên khó có thể thay đổi nhanh chóng. Ucraina cũng khó lòng vượt mặt Nga trong việc tìm kiếm đồng minh bên ngoài. Việc Ucraina cam kết trở thành một quốc gia không có vũ khí hạt nhân đã khiến cho ngay những người dân tộc chủ nghĩa Nga cũng thấy sự cần thiết phải trì hoãn một cuộc xâm lược; tạo ra chiến tranh bây giờ sẽ là một việc làm nguy hiểm. Nếu nền kinh tế của Ucraina hồi phục nhanh chóng so với Nga, hoặc là Ucraina tìm ra đồng minh hùng mạnh

trong khi Nga lại bị cô lập, hay giả như nếu Nga bắt đầu lo sợ một cuộc chiến tranh biên giới kéo dài sẽ khiến nhiều lực lượng quân sự trong tương lai của Nga bị sa lầy thì người Nga có thể sẽ bắt đầu nghĩ đến hành động chiến tranh phòng ngừa với Ucraina.

Thậm chí nếu nhiều yếu tố hiện tại thuận lợi cho sự thay đổi trong hòa bình thì Nga vẫn nên tiếp tục sở hữu vũ khí hạt nhân để ngăn chặn xu hướng của chiến tranh truyền thống mang tính phòng ngừa nhằm mục đích tự vệ. Tuy nhiên, nên chú ý rằng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh ngay cả các cường quốc hạt nhân cũng có xu hướng giải quyết những vấn đề an ninh bằng những cuộc xung đột truyền thống mỗi khi có thể.

## **Kết luận**

Có ba kết luận chính dựa trên sự phân tích trên đây. Đầu tiên, thế lưỡng nan an ninh và rộng hơn là lý thuyết chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế có khả năng đáng kể trong việc giải thích và dự đoán xác suất và cường độ xảy ra của xung đột quân sự giữa các nhóm xuất hiện từ những đế chế sụp đổ.

Thứ hai, thế lưỡng nan an ninh cho thấy những nguy hiểm liên quan đến những mâu thuẫn này khá cao. Nhiều nguyên nhân của xung đột và chiến tranh vốn được nhấn mạnh bởi thế lưỡng nan về an ninh hiện diện mạnh mẽ giữa các nhóm tách ra từ các đế chế. Sức mạnh quân sự mà những nhóm này có được ở giai đoạn sơ khởi và những nhận thức trái ngược nhau về lịch sử thường gây ra sự cạnh tranh và nỗi sợ lẫn nhau. Các mô hình định cư khác nhau của người dân cùng với tương quan sức mạnh không cân bằng và thay đổi nhanh chóng sẽ dẫn đến động cơ tiến hành chiến tranh phòng ngừa. Hệ quả tích tụ nhanh chóng của việc tài nguyên bị chiếm đoạt cũng tạo động cơ cho việc tước đoạt thiết bị quân sự và các tài sản khác với mục đích phòng ngừa.

Cuối cùng, những người bên ngoài nếu muốn hiểu và có thể giảm khả năng xảy ra xung đột phải đánh giá tình hình theo góc nhìn chiến lược của các nhóm bản địa. Nhóm người nào lo sợ cho sự an nguy của họ và tại sao? Họ có những lựa chọn quân sự nào? Việc giúp các nhóm này cảm thấy bớt bị đe dọa hơn và giảm thiểu sự xuất hiện của những thời cơ có thể giúp hạn chế khả năng xảy ra xung đột.

Vì hệ thống chính trị quốc tế nhìn chung vẫn là hệ thống tự lực cánh sinh, việc các nước hành động như kiến nghị nói trên sẽ gặp nhiều khó khăn. Các nước bên ngoài hiếm khi có những lợi ích lớn về vật chất và an ninh trong những tranh chấp khu vực. Các thể chế chế quốc tế cũng gặp phải khó khăn trong việc đưa ra một lời đe dọa đáng tin cậy về khả năng can thiệp vì mục đích nhân đạo nhằm bảo vệ các nhóm đang lo sợ cho tương lai của họ. Những cam kết nhân đạo mơ hồ sẽ không giúp cho những nhóm dễ bị tổn thương cảm thấy an toàn và cũng không thể ngăn cản những kẻ muốn đàn áp họ. Tuy nhiên trong một số trường hợp, những cam kết như vậy có thể đáng tin cậy một khi cuộc xung đột có khả năng mang lại hệ quả nghiêm trọng về an ninh cho các cường quốc bên ngoài.

Các nhóm đang bị cuốn vào cuộc xung đột nên được khuyến khích trao đổi về nhận thức lịch sử của họ đối với mối quan hệ song phương. Những nhận thức lịch sử khác nhau nên được hòa giải nếu có thể. Các chính sách đối nội gọi nên những ký ức cay đắng của sự cướp bóc và bất công trong quá khứ nên được cân nhắc kỹ. Việc làm này không cần phải được quản lý bởi một tổ chức chính trị quốc tế nào; những tổ chức phi chính phủ cũng có thể đóng góp. Thảo luận về lịch sử khu vực sẽ là một cách sử dụng thông minh những nguồn lực của nhiều quỹ hỗ trợ. Dĩ nhiên một vài hội nghị, hội thảo không thể dễ dàng xóa bỏ lịch sử thù địch bị chính trị hóa và vốn được thúc đẩy bởi những tuyên truyền gần đây. Việc làm này chỉ tốn ít chi phí và vì vậy nên được thử nghiệm.<sup>28</sup>

Trong một số trường hợp, các cường quốc bên ngoài có thể chỉ cần lên tiếng đe dọa: điều này sẽ ngăn cản một số kiểu hành vi hiếu chiến. Chẳng hạn các cường quốc bên ngoài có thể bày tỏ quan điểm rõ ràng rằng nếu một nhà nước mới đàn áp một nhóm thiểu số và sau đó gây chiến tranh với nhóm thiểu số đó cùng đồng minh của họ, quốc gia mới này sẽ hầu như không nhận được sự thông cảm nào từ nước ngoài nếu quốc gia này bắt đầu thua cuộc. Tuy nhiên để làm được điều đó, cường quốc bên ngoài phải có cách phát hiện việc đối xử không công bằng với các thành phần thiểu số.

Trong các trường hợp khác, việc các cường quốc bên ngoài cung cấp nguồn nguyên liệu, bao gồm các loại vũ khí để giúp các nhóm tự vệ có thể coi là hợp lý. Tuy nhiên, các nhà nước dân chủ tự do đang thống trị chính trị thế giới gặp khó khăn về mặt chính trị trong việc theo đuổi chính sách cứng rắn này dù nhằm mục đích nhân đạo. Thêm vào đó, việc cung cấp vũ khí và viện trợ có thể xem là một động thái phức tạp bởi vì khó có thể quyết định được số lượng và loại hỗ trợ quân sự cần thiết nào nhằm phục vụ mục đích phòng thủ hiệu quả thay vì mục đích tấn công. Tuy nhiên, sức ép ngoại giao có thể có tác dụng đáng kể thông qua việc đe dọa cung cấp vũ trang cho một bên tham chiến.

Chính sách không phổ biến vũ khí hạt nhân cũng có vai trò nhất định. Trong một số trường hợp, vũ khí hạt nhân có thể là một cách hiệu quả để bảo vệ nước yếu khỏi nước mạnh. Nga sẽ hành xử trong một chừng mực giới hạn với Ucraina miễn là một số vũ khí hạt nhân ở lại trên lãnh thổ Ucraina có thể bị Ucraina chiếm giữ. Tuy nhiên, một khi vũ khí cuối cùng của Ucraina không còn thì những nhà dân tộc chủ nghĩa Nga sẽ trở nên kiên quyết hơn bao giờ hết.

Thế cân bằng quyền lực trong tương lai giữa Ucraina và Nga không có lợi bằng cán cân hiện tại. Đó cũng là lý do vì sao người Ucraina tìm kiếm sự đảm bảo an ninh từ phương Tây để bù lại việc thông qua Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược (START), tôn trọng triết đề Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) và từ bỏ vũ khí hạt nhân. Thiếu những đảm bảo đó và các biện pháp cần thiết, người ta tin rằng Ucraina có thể kéo dài giai đoạn

---

<sup>28</sup> Xem Stephen Van Evera, *Managing the Eastern Crisis: Preventing War in the Former Soviet Empire* (Cambridge, MA: MIT Defense and Arms Control Studies Program, 6 January 1992), p. 12.

“chuyển tiếp” tới trạng thái không hạt nhân mà họ đã hứa.<sup>29</sup> Về mặt chính trị sẽ rất khó cho Hoa Kỳ có thể đảo ngược những sáng kiến kiểm soát vũ trang đã được khởi động, nhưng nước này vẫn có thể kéo dài giai đoạn thực thi. Vì vậy những đề nghị gần đây nhằm thúc đẩy việc phi hạt nhân hóa Ucraina (và cả Belarus và Kazakhstan) đi ngược lại trình tự cần có.<sup>30</sup> Phương Tây nên yêu cầu Ucraina thực hiện tiến độ cắt giảm dần vũ khí hạt nhân một cách bền vững và tương xứng trong giai đoạn dài nhất có thể mà vẫn phù hợp với khuôn khổ được ghi trong Hiệp ước START I. Một số ích lợi của việc răn đe hạt nhân vì vậy có thể được bảo đảm trong giai đoạn chuyển tiếp khó khăn của nền kinh tế và chính trị ở Nga và Ucraina.

Tuy nhiên, thông thường khó có thể có đầy đủ các điều kiện về sắp xếp các tài sản quân sự, cam kết chính trị của các quốc gia bên ngoài, và kỳ vọng chính trị để tất cả các nhóm lân cận được an toàn và cảm thấy an toàn. Khi thiếu những điều kiện như vậy thì chiến tranh có thể xảy ra. Những cuộc chiến tranh này sẽ xác nhận và làm tăng cao những mối lo sợ vốn ngay từ đầu dẫn đến chiến tranh. Sự tàn khốc của chiến tranh và xung đột sẽ thúc đẩy các nước bên ngoài can thiệp nhưng những nỗ lực hòa bình xuất phát từ bên ngoài sẽ không thành công nếu chúng không giải quyết được những nỗi sợ hãi vốn gây ra xung đột. Trong hầu hết các trường hợp, điều này sẽ đòi hỏi sự sẵn sàng cam kết một lượng lớn quân đội và số lượng đáng kể thiết bị quân sự cho khu vực xung đột trong một thời gian dài.

---

<sup>29</sup> Các đảm bảo an ninh không thể thay thế được cho các biện pháp răn đe mà Ucraina độc lập tiến hành. Hãy nhớ lại cuộc tranh cãi bất tận về sự đáng tin cậy của đảm bảo hạt nhân mà Mỹ giành cho Đức, theo đó Mỹ đóng hơn 300.000 quân và hàng ngàn đầu đạn hạt nhân chiến thuật ở Đức. Lời đảm bảo của Mỹ là đáng tin cậy nhưng chủ yếu thông qua các biện pháp cụ thể để đảm bảo điều đó.

<sup>30</sup> Xem Steven Miller, ‘Western diplomacy and the Soviet nuclear legacy’, *Survival*, vol. 34, no. 3. Autumn 1992, pp. 21-22, đặc biệt ở footnote 57.

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### **Quy trình biên dịch và xuất bản**

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### **Xuất bản các bài dịch đã được công bố**

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### **Yêu cầu đối với bản dịch**

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### **Thời hạn hoàn thành bản dịch**

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

### **Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).